

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước
giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng
Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025;*

*Căn cứ Văn bản số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025;*

*Căn cứ Công văn số 2566/BC-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ kế hoạch
đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang;*

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, trung ương giao: 12.545.724 triệu đồng.

1.1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 5.777.300 triệu đồng, gồm:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.988.700 triệu đồng.

b) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 2.650.000 triệu đồng.

c) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 117.500 triệu đồng.

d) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 21.100 triệu đồng.

1.2. Vốn ngân sách trung ương: 6.768.424 triệu đồng.

a) Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả thu hồi các khoản vốn ứng trước: 64.524 triệu đồng và các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng: 2.463.000 triệu đồng): 6.264.824 triệu đồng.

b) Vốn nước ngoài: 503.600 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 01)

2. Địa phương dự kiến phân bổ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: 12.823.319 triệu đồng.

2.1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 5.777.300 triệu đồng, gồm:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.988.700 triệu đồng, gồm:

- Phân cấp cho huyện, thành phố quản lý: 187.500 triệu đồng.

- Chi trả nợ gốc: 40.891 triệu đồng.

- Bổ trí hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch ngân sách cấp tỉnh: 15.000 triệu đồng.

- Kiên cố hóa kênh mương: 120.000 triệu đồng (số kinh phí còn lại 60.000 triệu đồng hằng năm bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh).

- Đề án Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu nhỏ trên đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021 - 2025: 470.000 triệu đồng (số kinh phí còn lại 160.000 triệu đồng, hằng năm bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh).

- Công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020 (105 công trình): 100.506 triệu đồng.

- Công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025; hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 (58 công trình): 550.305 triệu đồng.

- Công trình dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025 (76 công trình): 1.338.090 triệu đồng, trong đó: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai: 300.000 triệu đồng.

- Công trình chuẩn bị đầu tư (46 công trình): 6.408 triệu đồng.
 - Chương trình mục tiêu quốc gia: 100.000 triệu đồng, trong đó: Xây dựng huyện Hàm Yên đạt chuẩn nông thôn mới: 50.000 triệu đồng.
 - Lập quy hoạch chung các đô thị: 50.000 triệu đồng.
 - Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn: 10.000 triệu đồng.
 - b) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 117.500 triệu đồng, gồm:
 - Công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020: 13.082,64 triệu đồng;
 - Công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025: 500 triệu đồng;
 - Công trình dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025: 86.417,36 triệu đồng;
 - Chương trình mục tiêu quốc gia: 17.500 triệu đồng.
 - c) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 2.650.000 triệu đồng, gồm:
 - Trích lập quỹ phát triển đất 30%: 795.000 triệu đồng;
 - Chi cho công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10%: 265.000 triệu đồng;
 - Phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý, sử dụng: 1.590.000 triệu đồng.
 - d) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân địa phương: 21.100 triệu đồng.
- 2.2. Ngân sách địa phương bổ sung: 277.595 triệu đồng, gồm:

- a) Kiên cố hóa kênh mương: 30.000 triệu đồng;
- b) Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu nhỏ trên đường giao thông nông thôn giai đoạn 2021 - 2025: 61.000 triệu đồng.
- c) Công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020: 8.995 triệu đồng.
- d) Công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025: 102.681 triệu đồng.
- đ) Công trình dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025: 74.919 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 02)

2.3. Vốn ngân sách trung ương: 6.768.424 triệu đồng.

- a) Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực *(bao gồm cả vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước: 64.524 triệu đồng và 03 dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng: 3.163.000 triệu đồng, gồm: Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai: 1.600.000 triệu đồng; Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang: 1.200.000 triệu đồng; Dự án điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: 363.000 triệu đồng)*: 6.264.824 triệu đồng.

Trong đó phân theo ngành, lĩnh vực, gồm:

- Giáo dục, đào tạo, việc làm và dạy nghề: 165.000 triệu đồng.
- Y tế: 1.388.000 triệu đồng.
- Văn hóa, xã hội: 120.000 triệu đồng.

- Nông nghiệp, thủy lợi: 472.524 triệu đồng.
- Công nghiệp: 37.565 triệu đồng.
- Giao thông vận tải: 3.986.735 triệu đồng.
- Du lịch: 10.000 triệu đồng.
- Vốn đối ứng cho các dự án ODA: 70.000 triệu đồng.
- Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn: 15.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 03)

b) Vốn nước ngoài: 503.600 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 04)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang báo cáo các Bộ, ngành trung ương theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Minh Xuân

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TỈNH TUYÊN QUANG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Trung ương dự kiến giao giai đoạn 2021-2025	Địa phương dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ (A+B+C)	12.545.724	12.823.319	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.777.300	5.777.300	Chi tiết Biểu số 02
I	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.988.700	2.988.700	
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước phân cấp cho huyện, thành phố quản lý		187.500	
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.650.000	2.650.000	
	<i>Trong đó: - Trích lập quỹ phát triển đất 30%</i>		795.000	
	<i>- Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất 10%</i>		265.000	
	<i>- Phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý, sử dụng</i>		1.590.000	
III	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	117.500	117.500	
IV	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	21.100	21.100	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (Đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	6.768.424	6.768.424	
I	VỐN TRONG NƯỚC (Đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	6.264.824	6.264.824	Chi tiết Biểu số 03
	<i>Trong đó bao gồm cả:</i>	64.524	64.524	
1	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	64.524	64.524	
2	Các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng	2.463.000	3.163.000	
-	<i>Dự án điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang</i>	363.000	363.000	
-	<i>Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai</i>	1.600.000	1.600.000	
-	<i>Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang</i>	500.000	1.200.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	503.600	503.600	Chi tiết Biểu số 04
C	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG		277.595	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025, VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xã số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ					6.054.895,00	2.988.700,00	117.500,00	2.650.000,00	21.100,00	277.595,00		
I	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ SỬ DỤNG					187.500,00	187.500,00						
1	Huyện Na Hang					25.500,00	25.500,00						
2	Huyện Lâm Bình					24.500,00	24.500,00						
3	Huyện Chiêm Hoá					32.000,00	32.000,00						
4	Huyện Hàm Yên					24.000,00	24.000,00						
5	Huyện Yên Sơn					32.000,00	32.000,00						
6	Huyện Sơn Dương					31.000,00	31.000,00						
7	Thành phố Tuyên Quang					18.500,00	18.500,00						
II	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT					2.650.000,00			2.650.000,00				
1	Trích lập quỹ phát triển đất 30%;					795.000,00			795.000,00				
2	Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất 10%.					265.000,00			265.000,00				
3	Phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý sử dụng					1.590.000,00			1.590.000,00			Đề nghị UBND các huyện, thành phố khi phân bổ Kế hoạch chi tiết cho các công trình: Ưu tiên đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc của UBND các xã, phường, thị trấn.	
III	CHI TRẢ NỢ GỐC					40.891,00	40.891,00						
IV	BỔ TRÍ VỐN HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH CẤP TỈNH					15.000,00	15.000,00						02 Công trình
1	Đường giao thông tại trung tâm hành chính TPTQ đoạn nối từ QL2 cũ đến QL2, đoạn tránh TPTQ					10.000,00	10.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang	
2	Dự án xây dựng 7,5Km đường điện, 01 TBA di thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2020-2021				5.000,00	5.000,00					UBND huyện Na Hang	
V	KIỆN CÓ HÓA KÊNH MƯƠNG (THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH)					150.000,00	120.000,00				30.000,00	Sở NN&PTNT	Tổng nhu cầu vốn GD 2021-2025: 210.000 trđ; số kinh phí còn lại 60.000 trđ hằng năm bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh
VI	ĐỀ ÁN BỀ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GTNT VÀ XÂY DỰNG CẦU TRÊN ĐƯỜNG GTNT GIAI ĐOẠN 2021-2025		788.172,0			531.000,00	470.000,00				61.000,00		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cầu trên đường GTNT		470.000,0			310.000,00	270.000,00				40.000,00	Sở Giao thông Vận tải	Tổng nhu cầu GD 2021-2025: 470.000 trđ; cần đối bố trí 310.000 trđ; Số kinh phí còn lại 160.000 trđ, hằng năm bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh
2	Đường thôn và đường nội đồng		318.172,0			221.000,00	200.000,00				21.000,00	UBND huyện, thành phố	Số kinh phí còn lại bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh; ngân sách cấp huyện
VII	DỰ ÁN HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2020		5.748.119,72	5.023.009,76	4.586.394,14	122.583,644	100.506,00	13.082,641			8.995,00		105 Công trình
(1)	<i>Công trình đã phê duyệt quyết toán</i>		<i>1.015.972,04</i>	<i>508.992,14</i>	<i>518.380,83</i>	<i>12.915,401</i>	<i>11.320,303</i>	<i>1.595,098</i>					22 Công trình
1	Xây dựng trạm Y tế xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	2018-2020	3.434,52	3.300,00	3.100,00	200,014		200,014				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020	3.740,84	3.583,30	3.340,00	243,252		243,252				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2018-2020	3.100,00	2.936,45	3.100,00	160,232		160,232				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng trạm Y tế thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn	2015-2016	4.474,73	3.993,49	3.704,43	289,058		289,058				UBND huyện Yên Sơn	
5	Xây dựng trạm Y tế xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	2018-2020	2.306,31	2.306,31	2.158,86	147,718		147,718				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
6	Trường Mầm Non, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017	3.784,98	3.513,59	3.200,00	313,594	313,594					UBND huyện Yên Sơn	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà khách cơ quan BCH Quân sự tỉnh	2015-2016	6.185,16	6.016,53	5.822,620	193,813	193,813					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
8	Xây dựng, cải tạo Trung tâm thực hành, thực nghiệm trường Đại học Tân Trào	2017-2019	11.276,16	10.720,06	10.448,00	272,056		272,056				Trường Đại học Tân Trào	
9	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi xã Trung Trục, huyện Yên Sơn (JICA SPLVI)	2009-2012	38.380,93	5.596,27	33.505,03	4.184,132	4.184,132					UBND huyện Yên Sơn	
10	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Sơn Dương	2018-2019	8.594,04	8.594,04	8.460,98	120,652		120,652				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
11	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình	2018-2019	9.824,19	9.824,19	9.733,74	90,447		90,447				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
12	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Hàm Yên		17.234,34	17.234,34	17.264,80	71,669		71,669				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
13	Xây dựng thao trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa		15.569,92	15.569,92	5.447,74	923,438	923,438					UBND huyện Chiêm Hóa	
14	Dự án cải tạo nút giao thông Km5 Quốc lộ 2 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)	2011-2014	30.595,00	17.694,12	17.206,77	487,348	487,348					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
15	Đường giao thông cụm công nghiệp Tân Thành, huyện Hàm Yên		6.161,401	6.161,401	5.091,263	260,138	260,138					UBND huyện Hàm Yên	
16	Xây dựng đường giao thông nội bộ và kê chống sạt lở trụ sở UBND tỉnh	2019-2020	9.530,507	9.530,507	9.500,00	30,507	30,507					Văn phòng UBND tỉnh	
17	Đường vào khu động tiền (đoạn I-II, tuyến đường từ Km54-QL2 đến động Âm Phù) thuộc dự án ĐTXD công trình HTKT Khu di tích Quốc gia thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên		3.437,033	3.437,033	1.255,00	2.182,033	2.182,033					UBND huyện Hàm Yên	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bồi chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Công trình cầu Bà Đạo, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2012-2014	109.671,90	97.880,900	97.863,80	17,000	17,000					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
19	Đường Yên Hoa - Sinh Long (ĐH02)	2015-2017	47.652,10	33.720,80	33.696,00	24,800	24,800					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
20	Công trình nâng cấp đường Lãng Can - Xuân Lập (Giai đoạn 1), huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	2013-2017	79.777,00	76.655,40	76.447,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Số vốn còn thiếu bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh
21	Đường giao thông đất đỏ liên xã của huyện Yên Sơn (Quyết toán Giai đoạn 1)	2016-2018	250.200,00	109.502,00	107.000,00	2.502,00	2.502,00					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
22	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đường Quang Trung đến Km14 đến QL2, tỉnh Tuyên Quang (Quyết toán phần dừng thực hiện)		351.041,00	61.221,50	61.034,80	201,500	201,500					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
(2)	Công trình chưa phê duyệt quyết toán		4.732.147,68	4.514.017,62	4.068.013,31	70.940,243	50.457,70	11.487,543			8.995,00		83 Công trình
1	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Chiêm Hóa	2018-2020	25.961,00	25.961,00	23.364,00	1.316,60		1.316,60				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Na Hang	2018-2020	14.058,00	14.058,00	12.014,81	924,69		924,69				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Yên Sơn	2018-2020	30.547,80	30.547,80	25.556,49	1.246,26		1.246,26				BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đúc Tiền Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020	49.997,26	49.997,26	46.302,62	3.695,00					3.695,00	Sở Tài chính	
5	Cải tạo nhà khoa nội bảo vệ sức khỏe A10 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	2020	1.490,13	1.490,13	700,00	600,00					600,00	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	
6	Sửa chữa nhà điều trị bệnh nhân Khối ngoại, Khối nội, Phụ sản và các chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh	2020	2.600,00	2.600,00	1.600,00	1.000,00					1.000,00	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	
7	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An	2016-2019	83.049,00	81.195,50	50.000,00	4.500,00	4.500,00					BQL các khu CN tỉnh Tuyên Quang	
8	Đường từ Quốc lộ 2 vào Trụ sở làm việc của Huyện ủy và UBND huyện Hàm Yên		14.997,35	14.997,35	9.139,00	3.700,00					3.700,00	UBND huyện Hàm Yên	
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên		14.992,71	14.992,71	14.407,00							UBND huyện Hàm Yên	
10	Kè bờ sông Lô thị xã Tuyên Quang (TPTQ)		385.624,47	381.937,00	376.524,63							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
11	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Sơn Phú, huyện Na Hang		49.966,00	49.966,00	48.424,20							Chi cục phát triển nông thôn	
12	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng cam sành trên địa bàn huyện Hàm Yên		85.000,00		58.000,00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
13	Các công trình khắc phục hậu quả thiên tai theo QĐ số 1847/QĐ-TTg ngày 19/12/2019		30.000,00	30.000,00	30.000,00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
14	Tuyến đê tả Lô từ Vinh Lợi đến Lâm Xuyên (nay là Trường Sinh), huyện Sơn Dương		20.000,00	20.000,00	20.000,00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Bổ trí từ nguồn Dự phòng NSTW
15	XD đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn (tại địa điểm mới);		70.005,00	70.005,00	58.501,30							UBND huyện Yên Sơn	
16	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)		103.602,31	103.602,31	85.283,14							UBND huyện Hàm Yên	
17	Đường Kiên Đài - Khuôn Miếng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miếng - thôn Nà Pó)		81.079,09	74.534,76	62.215,39							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
18	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		130.274,90	100.919,52	94.190,00							UBND huyện Lâm Bình	
19	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào, từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua dốc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8 (Đoạn từ cổng thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh)		129.962,27	129.962,27	124.819,67							UBND thành phố Tuyên Quang	
20	Dự án xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang		852.219,54	822.284,00	766.977,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
21	Xây dựng công trình Bến thủy Bản Lãm, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang.		4.705,43	4.705,43	4.472,00							UBND huyện Na Hang	
22	Xây dựng tuyến đường từ khu ĐDC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn		8.056,38	8.056,38	7.300,00							UBND huyện Yên Sơn	
23	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng âm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương		159.341,13	159.341,13	152.000,00							UBND huyện Sơn Dương	
24	Đường Nhân Mục - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên		14.105,81	14.105,81	13.866,37							UBND huyện Hàm Yên	
25	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)		42.320,70	39.209,84	39.181,00							UBND thành phố Tuyên Quang	
26	Đường vào khu sử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn		18.967,22	18.967,22	14.200,00							UBND huyện Yên Sơn	
27	Nâng cấp đường Lăng Can - Xuân Lập (giai đoạn 2), huyện Lâm Bình		108.562,00	108.562,00	93.309,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
28	Công trình cầu Bắc Mục, huyện Hàm Yên (thanh kinh phí chuẩn bị đầu tư)		25.900,00	426,08	200,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Số vốn còn thiếu bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh
29	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông khu vực trung tâm huyện Lâm Bình		113.899,60	113.899,60	97.000,00							UBND huyện Lâm Bình	
30	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang		24.940,28	24.940,28	21.992,05							BQL các Khu du lịch tỉnh TQ	
31	Quảng trường, Cụm tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang; Tr. đó Giai đoạn I: Quảng trường Nguyễn Tất thành		293.470,54	291.990,77	274.085,26							Sở Xây Dựng	
32	ĐTXD cơ sở Hạ tầng Khu du lịch sinh thái Na Hang		100.000,00	92.421,73	70.000,00							UBND huyện Na Hang	
33	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao thanh, thiếu nhi tỉnh Tuyên Quang.		2.756,33	2.756,33	300,00							Ban chấp hành Đoàn tỉnh Tuyên Quang.	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
34	Bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị bảo vật quốc gia Bia Bảo Ninh Sùng Phúc, xã Yên Nguyễn, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.											Bảo tàng tỉnh	
35	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư giải phóng mặt bằng khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng công cộng thuộc khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn (nay là phường Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang)	2017-2020	19.183,20	19.183,20	17.547,00							UBND huyện Yên Sơn	
36	Xây dựng nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang		82.358,55	82.358,55	79.772,70							Văn phòng Tỉnh uỷ	
37	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang		14.998,08	14.998,08	14.225,30							Văn phòng Tỉnh uỷ	
38	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn		7.711,53	7.711,53	7.354,16							UBND huyện Yên Sơn	
39	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên		31.638,83	31.638,83	27.137,00							UBND huyện Hàm Yên	
40	ĐT XD công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang		86.350,00	86.350,00	78.000,00							BQL các Khu du lịch tỉnh	
41	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang		8.065,30	8.065,30	7.445,00							BQL các Khu du lịch tỉnh	
42	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Tháng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên		32.016,00	32.016,00	28.900,00							UBND huyện Hàm Yên	
43	Hỗ trợ Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mộ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)		9.383,66	9.383,66	5.000,00							UBND thành phố Tuyên Quang	
44	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang		170.000,00	155.261,25	143.528,00	12.000,00	12.000,00					UBND huyện Na Hang	
45	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên		2.478,24	2.478,24	2.320,13							BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
46	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa		3.723,00	3.723,00	3.350,00							BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
47	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn		3.072,57	3.072,57	3.050,0							BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
48	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn		4.134,01	4.134,01	2.236,53							BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
49	Xây dựng Trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình		4.367,54	4.367,54	4.132,17							UBND huyện Lâm Bình	
50	Xây dựng Trạm Y tế xã Quý Quân, huyện Yên Sơn		3.500,12	3.500,12	2.959,00							UBND huyện Yên Sơn	
51	Xây dựng trạm Y tế xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên		3.393,52	3.393,52	3.100,00							BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
52	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)		268.898,85	268.898,82	268.890,00							Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	
53	Cải tạo, sửa chữa nhà điều trị A3, nhà hành chính, nhà dược và một số hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang		3.585,27	3.585,27	1.750,00							Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	
54	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình		164.932,14	162.932,14	127.366,54							UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
55	Trụ sở xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn		2.853,41	2.853,41	2.800,00							UBND huyện Yên Sơn	
56	Nhà công vụ thuộc Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình		19.950,00	19.950,00	15.900,00							UBND huyện Lâm Bình	
57	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)		51.864,16	51.864,16	38.697,71							UBND huyện Hàm Yên	
58	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)		84.104,24	84.104,24								Công an tỉnh	
59	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên		5.065,48	5.065,48	4.707,54							UBND huyện Hàm Yên	
60	Trụ sở UBND xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang		6.476,15	6.476,15	5.850,00							UBND thành phố Tuyên Quang	
61	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa		7.127,44	7.127,44	6.650,00							UBND huyện Chiêm Hóa	
62	Trụ sở UBND xã Trung Trục, huyện Yên Sơn		5.730,16	5.730,16	5.177,00							UBND huyện Yên Sơn	
63	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy		2.178,67	2.178,67	2.100,00							VP Tỉnh ủy	
64	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy		14.811,85	14.811,85	11.866,90							VP Tỉnh ủy	
65	Trụ sở UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn		5.687,01	5.687,01	4.864,00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
66	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn		82.222,48	81.683,45	79.709,80							UBND huyện Yên Sơn	
67	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa		4.592,58	4.592,58	4.100,00							UBND huyện Chiêm Hóa	
68	Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình (Nhà làm việc của HĐND và UBND huyện)		37.244,91	36.691,84	34.093,13							UBND huyện Lâm Bình	
69	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT & DL		14.992,47	14.992,47	14.172,00							Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
70	Ứng dụng công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020		46.251,00	43.000,00	30.000,00							Sở Thông tin và truyền thông	
71	Kho bảo quản vật chứng là vũ khí, vật liệu nổ		3.980,697	3.980,70	2.700,00							BCH Quân sự tỉnh	
72	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Kim phú, huyện Yên Sơn		4.718,19	4.718,19	4.000,00							UBND huyện Yên Sơn	
73	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn		4.875,95	4.875,95	4.000,00							UBND huyện Yên Sơn	
74	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình		53.211,64	50.182,52	48.250,18							UBND huyện Lâm Bình	
75	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình		28.733,18	28.733,18	25.840,377							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
76	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang		7.983,70	7.983,70	7.295,80							Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ TQ	
77	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang		8.426,28	8.426,28	7.350,00							UBND huyện Na Hang	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
78	Trường Tiểu học và THCS xã Côn Lôn, huyện Na Hang		18.160,00	18.160,00	16.050,00							UBND huyện Na Hang	
79	Xây dựng Trường THPT Xuân Vân huyện Yên Sơn		8.186,47	8.186,47	6.150,00							UBND huyện Yên Sơn	
80	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang		9.382,62	9.382,62	9.167,43							Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
81	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn		12.533,29	12.533,29	12.533,00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
82	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2020 - do EU tài trợ		164.561,00	164.561,00	140.000,00							Sở Công thương	
83	Các công trình hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán thuộc kế hoạch đầu tư và xây dựng của tỉnh từ năm 2020 trở về trước.												Được phân bổ chi tiết hằng năm
c)	<i>Các công trình, hạng mục công trình hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán chưa bố trí đủ vốn thuộc Dự án di dân, tái định cư thùy điện Tuyên Quang theo QĐ số 08/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2007</i>					38.728,00	38.728,00						<i>Chi tiết có Kế hoạch phân bổ riêng</i>
VIII	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020, HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025		5.469.853,34	1.959.012,63	2.501.257,71	653.486,00	550.305,00	500,00			102.681,00		58 Công trình
(1)	Giáo dục đào tạo, việc làm, dạy nghề		147.088,89	147.088,90	87.746,31	37.000,00	37.000,00						04 Công trình
1	Sân nền, Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020	80.000,00	80.000,00	67.246,31	9.000,00	9.000,00					Trường Đại học Tân Trào	
2	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Hạng mục nhà ký túc xá học sinh, sinh viên)	2017-2020	45.000,00	45.000,00	7.000,00	20.000,00	20.000,00					Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	Năm 2021 bố trí từ nguồn NSTW: 15.000 trđ
3	Nhà lớp học các trường Mầm non, trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang sử dụng nguồn dự phòng 10% vốn TPCP giai đoạn 2017-2020	2020-2021	13.747,00	13.747,00	11.500,00	2.000,00	2.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây công trình Trường PTDTNT ATK Sơn Dương - giai đoạn 2	2020-2022	8.341,90	8.341,90	2.000,00	6.000,00	6.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
(2)	Y tế		79.682,07	79.682,07	35.670,00	17.500,00	17.000,00	500,00					02 Công trình
1	Xây dựng trạm Y tế xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021	3.464,07	3.464,07	2.670,00	500,00		500,00				UBND huyện Sơn Dương	
2	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	2016-2020	76.218	76.218	33.000,00	17.000,00	17.000,00					Bệnh viện Y dược cổ truyền	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 20.000 triệu đồng
(3)	Văn hóa - Xã hội - Du lịch		313.178,41	181.374,63	130.452,00	91.500,00	55.000,00				36.500,00		05 Công trình
1	Trùng tu nâng cấp, xây dựng bia di tích và hàng rào bảo vệ Khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	2019-2021	31.552,00	31.552,00	26.552,00	5.300,00					5.300,00	Sở Tài Chính	Hằng năm bố trí từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
2	Dự án xây dựng 7,5Km đường điện, 01 TBA di thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2020-2021	13.357,41	13.357,41	5.000,00	8.000,00	8.000,00					UBND huyện Na Hang	Vốn NS tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Xây dựng biên giới các tỉnh Vĩnh Phúc và Hà Giang	2020-2021	2.499,57	2.499,57	1.200,00	1.200,00					1.200,00	Sở VHHT&DL	Vốn NS tỉnh
4	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020	85.000,00		21.000,00							UBND huyện Lâm Bình	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 10.000 trđ; hằng năm bổ sung từ nguồn vốn ngân sách tỉnh
5	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025	2020-2024	180.769,43	133.965,65	76.700,00	77.000,00	47.000,00				30.000,00	Sở VHHT&DL	
(4)	Nông, lâm nghiệp, thủy lợi		902.519,85	512.239,11	520.180,46	85.000,00	85.000,00						10 Công trình
1	Xử lý khẩn cấp đảm bảo an toàn đoạn đê thôn Hưng Thịnh, xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương;	2020-2021	14.900,00	14.900,00	2.971.000	5.000,00	5.000,00					Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
2	Dự án di dân khẩn cấp tái xóm Dùm, phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang	2016-2020	54.213,80	54.213,80	29.084,46	13.000,00	13.000,00					UBND - TPTQ	Hằng năm bổ sung từ nguồn vốn ngân sách tỉnh
3	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh và thôn Tát Ké xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022	88.200,00		20.000,00							UBND huyện Na Hang	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 15.000 trđ; số vốn còn thiếu bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh
4	Cải tạo, nâng cấp phát triển vùng sản xuất chè tập trung, an toàn, chất lượng cao tỉnh Tuyên Quang	2020-2024	105.000,00		76.000,00	5.000,00	5.000,00					Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Dự án xin vốn từ NSTW
5	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống, sạt lở đất rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn	2016-2020	83.238,98		22.420,00							UBND huyện Yên Sơn	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 10.000 trđ; số vốn còn thiếu bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh
6	Công trình thủy lợi Đồng Trai, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022	36.924,41		2.030,00	30.000,00	30.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
7	Dự án Kè chống sạt lở suối Nặm Chang, bảo vệ khu hành chính huyện Lâm Bình	2014-2018	150.132,00	73.214,66	33.517,00	22.000,00	22.000,00					UBND huyện Lâm Bình	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 5.000 trđ; số vốn còn thiếu hằng năm bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh
8	Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thủy điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo QĐ số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020		297.701,34	297.701,34	291.130,00							BQL Dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 60.000 trđ
9	Khắc phục khẩn cấp sự cố tuyến đê tá Lô từ Vĩnh Lợi - Lâm Xuyên (nay là Trường Sinh), đoạn qua xã Đông Thọ và xã Trường Sinh, huyện Sơn Dương		28.028,00	28.028,00	28.028,00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Năm 2020 bố trí từ nguồn DPNSTW: 28.028 trđ
10	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm sạt lở, sạt lún đất thôn Nà Đưa, xã Đà Vị, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2022	44.181,32	44.181,32	15.000,00	10.000,00	10.000,00					UBND huyện Na Hang	Dự án xin vốn từ NSTW
(5)	Giao thông		919.705,76	331.438,34	458.568,83	180.200,00	119.000,00				61.200,00		11 Công trình
1	Nâng cấp đường ĐH đoạn từ thôn Sài Linh đến thôn Lãng cư xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021	19.544,10	19.544,10	12.709,09	5.000,00	5.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
2	Sửa chữa nền, mặt đường tuyến ĐT. 185 đoạn từ Km236+500 - Km248+510 (Phúc Yên - Khau Cau), huyện Lâm Bình	2018-2020	65.395,93	43.489,16	30.188,00	20.000,00					20.000,00	Sở Giao thông Vận tải	Hằng năm bố trí nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Văn Sơn qua các thôn Dộc Vầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022	200.000,00		123.008,00							UBND huyện Sơn Dương	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 67.000 trđ;
4	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2016-2020	323.692,00		120.766,00	60.000,00	60.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 100.000 triệu đồng
5	Cầu Chinh, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài chính tại thông Đông Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022	38.775,50		13.500,00	24.000,00					24.000,00	Sở Tài chính	Hàng năm bố trí nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
6	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường DT.186, đoạn từ Km0+00 - Km58+900 thuộc địa phận huyện Sơn Dương	2020-2023	155.044,10	155.044,10	97.600,00	20.000,00	15.000,00				5.000,00	Sở Giao thông Vận tải	Hàng năm bố trí nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL2C với khu Di tích Sở Đức tiên, Bộ Tài chính tại thôn Đông Quắc và khu trung tâm xã Bình nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022	14.952,00	14.952,00	8.400,00	6.200,00					6.200,00	Sở Tài chính	Hàng năm bố trí nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
8	Đường giao thông từ đường DH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Làng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	2020-2022	14.726,99	14.726,99	8.400,00	6.000,00					6.000,00	Sở Tài chính	Hàng năm bố trí nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
9	Xây dựng cầu Bàn Khiển, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	2020-2022	24.755,03	20.861,87	10.700,00	12.000,00	12.000,00					UBND huyện Lâm Bình	
10	Dự án Kè chống sạt lở bờ suối và cầu vượt suối tại thôn Bàn Khiển, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	2020-2021	31.339,00	31.339,00	30.000,00							UBND huyện Lâm Bình	Vốn dự phòng NSTW
11	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kè bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;	2020-2022	31.481,10	31.481,10	3.297,74	27.000,00	27.000,00					Văn phòng Tỉnh ủy	
(6)	Quản lý Nhà nước		174.378,49	160.000,89	116.660,97	36.500,00	36.500,00						09 Công trình
1	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021	8.600,00	8.600,00	2.030,97	5.000,00	5.000,00					UBMT Tổ quốc tỉnh	Vốn ngân sách tỉnh
2	Sửa chữa, cải tạo, mua sắm, thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ Nhà khách Kim Bình, Văn phòng Tỉnh ủy.	2020-2021	5.036,85	5.036,85	2.500,00	2.000,00	2.000,00					Văn phòng Tỉnh ủy	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Hạt kiểm lâm Yên Sơn	2020-2021	6.585,78	6.585,78	2.700,00	3.500,00	3.500,00					Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn	Vốn ngân sách tỉnh
4	Trụ sở UBND xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa	2020-2021	5.766,34	5.766,34	3.580,00	2.000,00	2.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
5	Trụ sở UBND xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa	2020-2021	6.343,55	6.343,55	3.050,00	3.000,00	3.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
6	Trụ sở UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên	2020-2021	4.981,66	4.981,66	3.050,00	1.500,00	1.500,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
7	Trụ sở UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021	5.488,58	5.488,58	3.750,00	1.500,00	1.500,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
8	Xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang	2020-2022	11.824,25	11.824,25	3.000,00	8.000,00	8.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang	
9	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang		45.373,87	45.373,87	33.000,00	10.000,00	10.000,00					Sở Khoa học và Công nghệ	
10	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang		74.377,60	60.000,00	60.000,00							Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án xin vốn NSTW
(7)	Phát thanh truyền hình		87.148,94	87.148,94	12.400,00	70.000,00	70.000,00						01 Công trình
1	Dự án Nhà làm việc, trung tâm kỹ thuật và nhà studio của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	2020-2024	87.148,94	87.148,94	12.400,00	70.000,00	70.000,00					Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	
(8)	Công nghiệp		1.011.687,56	339.834,78	244.693,36	2.000,00	2.000,00						02 Công trình
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020		950.096,56	339.834,78	222.693,36	2.000,00	2.000,00					Sở Công Thương	Dự án xin vốn Bộ Công Thương; Năm 2021 bố trí từ nguồn NSTW: 32.565 trđ
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Khuôn Phuron, huyện Na Hang		61.591,00		22.000,00							UBND huyện Na Hang	Giai đoạn 2021-2025 vốn NSTW: 5.000 trđ
(9)	Bảo vệ môi trường		7.064,80	7.064,80		6.500,00	6.500,00						01 Công trình
1	Dự án Đóng ô chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải tại xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2020-2021	7.064,80	7.064,80		6.500,00	6.500,00					UBND huyện Yên Sơn	Vốn ngân sách tỉnh
(10)	Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện		16.289,39	16.289,39	16.289,39	16.286,00	11.305,00				4.981,00		07 Công trình
1	Quy hoạch sử dụng đất huyện Lâm Bình	2020	1.381,151	1.381,15	1.381,151	1.381,00	1.381,00					UBND huyện Lâm Bình	
2	Quy hoạch sử dụng đất huyện Na Hang	2020	1.361,312	1.361,31	1.361,312	1.361,00	1.361,00					UBND huyện Na Hang	
3	Quy hoạch sử dụng đất huyện Chiêm Hóa	2020	2.843,776	2.843,78	2.843,776	2.843,00					2.843,00	UBND huyện Chiêm Hóa	
4	Quy hoạch sử dụng đất huyện Hàm Yên	2020	2.138,746	2.138,75	2.138,746	2.138,00					2.138,00	UBND huyện Hàm Yên	
5	Quy hoạch sử dụng đất huyện Yên Sơn	2020	2.734,753	2.734,75	2.734,753	2.734,00	2.734,00					UBND huyện Yên Sơn	
6	Quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Dương	2020	3.180,655	3.180,66	3.180,655	3.180,00	3.180,00					UBND huyện Sơn Dương	
7	Quy hoạch sử dụng đất thành phố Tuyên Quang	2020	2.648,996	2.649,00	2.648,996	2.649,00	2.649,00					UBND thành phố Tuyên Quang	
(11)	Quy hoạch tình hình thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050		48.872,69	48.872,69	17.900,00	23.000,00	23.000,00					Sở Kế hoạch và Đầu tư	
(12)	Vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA		1.762.236,47	47.978,09	860.696,39	88.000,00	88.000,00						05 Công trình
1	Chương trình mở rộng quy mô VS&NS nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang	2016-2020	253.373,00		148.345,23	3.000,00	3.000,00					TT nước sạch và VSMT; Sở Giáo dục và Đào tạo; TT kiểm soát bệnh tật	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang	2019-2023	413.916,70		15.647,00	57.000,00	57.000,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc thông qua KOICA
3	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.	2019-2025			3.639,00	8.000,00	8.000,00					Sở Y tế	
4	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB)	2016-2020	843.286,77		547.188,75	10.000,00	10.000,00					UBND thành phố Tuyên Quang	
5	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022	251.660,00	47.978,09	145.876,41	10.000,00	10.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
	- Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn		47.978,09	47.978,09									
	- Tiểu dự án 2: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước tại các huyện, gồm 13 công trình		203.682,00										
IX	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025		10.622.989,90	2.686,80	513.450,00	1.499.426,36	1.338.090,00	86.417,36			74.919,00		76 Công trình
(1)	Giao thông		4.626.720,00		501.100,00	700.419,00	637.500,00				62.919,00		15 Công trình
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2024	3.112.970,00		500.000,00	300.000,00	300.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Hàng năm bố trí nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư: 200.000 trđ
2	Đầu tư xây dựng đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn (Km14QL2 Tuyên Quang - Hà Giang)	2021-2024	635.000,00			60.000,00	60.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 456.735 trđ; Số vốn còn thiếu so với TMBT hàng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
3	Cầu qua sông Lô Km 71 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi Bạch Xa, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024	177.000,00			5.000,00	5.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 160.000 trđ.
4	Xây dựng Cầu và đường từ xã Ninh Lai đi xã Sơn Nam huyện Sơn Dương.	2021-2025	165.000,00			150.000,00	150.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khào đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, huyện Na Hang.	2021-2023	44.980,00		1.100,00	40.000,00	40.000,00					UBND huyện Na Hang	
6	Đường giao thông nông thôn vào vùng sản xuất nông nghiệp tập trung kết hợp phát triển du lịch sinh thái thôn Bàn Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2022	14.970,00			12.000,00	12.000,00					UBND huyện Na Hang	Ngân sách huyện Na Hang 2.970 trđ
7	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ Km170+600 Quốc lộ 2C đến thôn Đồng Khán, xã Kiên Thiết, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.	2021-2023	29.400,00			20.400,00					20.400,00	Sở Tài chính	Hàng năm bố trí từ nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư
8	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường vào Khu di tích Sở Đức tiên, khu di tích Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân (đoạn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Quắc xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa)	2020-2022	18.200,00			12.500,00					12.500,00	Sở Tài chính	Hàng năm bố trí từ nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư
9	Cải tạo nâng cấp đường Phúc Thịnh - Trung Hà - Bàn Ba, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024	238.300,00			25.019,00					25.019,00	UBND huyện Chiêm Hóa	Hàng năm bố trí từ nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Chi Thiết, huyện Sơn Dương	2020-2022	14.000,00			12.000,00	12.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
11	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2020-2022	13.000,00			11.500,00	11.500,00					UBND huyện Sơn Dương	
12	Đường vào Ủy ban nhân dân xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương	2020-2022	8.000,00			7.000,00	7.000,00					UBND huyện Sơn Dương	
13	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường DH.04 đoạn từ Quốc lộ 279 đến Trung tâm xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023	39.000,00			35.000,00	35.000,00					UBND huyện Ha Hang	
14	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi các khu di tích Bộ Tài chính và các Bộ, ngành tại xã Tú Thịnh và xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2023	72.000,00			5.000,00					5.000,00	Sở Tài chính	Hàng năm bố trí từ nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư
15	Xây dựng cầu Trắng 2 qua sông phó đáy, đi khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang		44.900,00			5.000,00	5.000,00					BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn XDCBTT + Vốn ngân sách tỉnh bổ sung hàng năm
(2)	Nông nghiệp, thủy lợi		510.163,40		10.100,00	45.000,00	45.000,00						06 Công trình
1	Xây dựng hồ thủy lợi Nà Thôm, Xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2021-2022	20.163,40			18.000,00	18.000,00					UBND huyện Na Hang	Vốn còn thiếu hàng năm bố trí Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư
2	Khắc phục khẩn cấp tình trạng sạt lở bờ sông Lô, thuộc địa bàn phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang	2021	15.000,00			15.000,00	15.000,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Đầu tư xây dựng hạng mục hệ thống kênh dẫn đập thủy lợi Ô rô, xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	2021-2023	10.000,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Dự án Khắc cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bán Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2021-2024	80.000,00			2.000,00	2.000,00					UBND huyện Na Hang	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 50.000 trđ
5	Dự án Kè chống sạt lở bờ suối khu trung tâm xã Cồn Lôn, huyện Na Hang	2021-2024	120.000,00		10.100,00							UBND huyện Na Hang	Năm 2020 bố trí từ nguồn dự phòng NSTW: 10.000 trđ
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Cao Ngổ, xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2021-2024	265.000,00									Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án xin vốn từ NSTW; năm 2021 bố trí từ NSTW: 10.000 trđ.
(3)	Quản lý Nhà nước		847.953,00			370.342,00	360.342,00				10.000,00		32 Công trình
1	Trụ sở làm việc của Huyện ủy và khối dân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	50.981,00			40.000,00	35.000,00				5.000,00	VP Huyện ủy Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Xây dựng Nhà làm việc của Báo Tuyên Quang	2021-2023	34.912,00			30.000,00	30.000,00					Báo Tuyên Quang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Tuyên Quang	2021-2023	20.000,00			18.000,00	13.000,00				5.000,00	Văn phòng UBND tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Trụ sở UBND Phường Mỹ Lâm, TP. Tuyên Quang	2021-2023	19.440,00			10.000,00	10.000,00					UBND TP Tuyên Quang	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Trụ sở UBND xã Đội Bình, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
6	Trụ sở UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn	2021-2023	14.920,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Trụ sở UBND xã Tân Tiến, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
8	Trụ sở UBND xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2021-2023	13.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
9	Trụ sở UBND xã Công Đa, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
10	Trụ sở UBND xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
11	Trụ sở UBND xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
12	Trụ sở UBND xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
13	Trụ sở UBND xã Kiến Thiết, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
14	Trụ sở UBND xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
15	Trụ sở UBND xã Lực Hành, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
16	Trụ sở UBND xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	2021-2023	13.980,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
17	Trụ sở UBND xã Tân Long, huyện Yên Sơn	2021-2023	11.600,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
18	Trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	2021-2023	10.000,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
19	Trụ sở UBND xã Bình Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023	10.000,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
20	Trụ sở UBND xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2021-2023	10.000,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
21	Trụ sở UBND xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương	2021-2023	11.800,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Sơn Dương	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
22	Trụ sở UBND xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	2021-2023	12.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
23	Trụ sở UBND xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2021-2023	12.000,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Hàm Yên	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
24	Trụ sở UBND xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	10.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
25	Trụ sở UBND xã Yên Lập, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	10.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
26	Trụ sở UBND xã Vĩnh Quang, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	10.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
27	Trụ sở UBND xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	12.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
28	Trụ sở UBND xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	10.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
29	Trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	14.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
30	Trụ sở UBND Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2021-2023	10.500,00			10.000,00	10.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
31	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc liên cơ quan	2021-2024	414.820,00			12.342,00	12.342,00					Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
32	Cải tạo, mở rộng phòng Lễ tân tầng 1, Trung tâm hội nghị tỉnh Tuyên Quang	2020	3.500,00									VP UBND tỉnh	Công trình vốn ngân sách tỉnh bổ sung trong năm
(4)	Giáo dục - Đào tạo		1.202.621,22		150,00	165.665,36	92.248,00	71.417,36			2.000,00		09 Công trình
1	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	2021-2025	807.000,00									Sở Giáo dục và đào tạo	Dự án xin vốn từ NSTW
2	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tân Trào, thành phố Tuyên Quang	2021-2023	13.021,22			12.000,00		12.000,00				Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng; nhà bán trú; phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường PTDT bán trú THCS Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2021-2023	22.000,00			20.248,00	2.248,00	16.000,00			2.000,00	UBND huyện Yên Sơn	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
4	Xây dựng nhà lớp học và lớp học bộ môn; nhà ở, nhà bếp ăn cho học sinh bán trú; phòng chức năng khu hiệu bộ; nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trung Sơn, huyện Yên Sơn.	2021-2023	29.290,00			27.417,36	4.000,00	23.417,36				Sở Giáo dục và đào tạo	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
5	Xây dựng Trường THPT Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới	2021-2024	255.810,00			40.000,00	20.000,00	20.000,00				Sở Giáo dục và đào tạo	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 150.000 trđ
6	Xây dựng trường điểm liên cấp II, III khu vực các huyện Chiêm Hóa, Na Hang, Lâm Bình tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Chiêm Hóa		30.000,00		50,00	25.000,00	25.000,00					UBND huyện Chiêm Hóa	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến; số vốn còn thiếu so với TMĐT bố trí Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
7	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang		20.000,00		50,00	18.000,00	18.000,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
8	Cải tạo, nâng cấp trường chính trị tỉnh Tuyên Quang		20.000,00		50,00	18.000,00	18.000,00					Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
9	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang		5.500,00			5.000,00	5.000,00					Sở Giáo dục và Đào tạo	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
(5)	Văn hóa - Xã hội		41.686,80	2.686,80	100,00	25.500,00	25.500,00						05 Công trình
1	Xây dựng Trung tâm Chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng và người cao tuổi tỉnh Tuyên Quang		39.000,00			5.000,00	5.000,00					Sở Lao Động - Thương Binh và Xã hội	NSDP Hỗ trợ bồi thường GPMB; (Vốn do Bộ LĐTB-XH bố trí)
2	Cải tạo, xây dựng phòng Studio của Báo Tuyên Quang		2.686,80	2.686,80								Báo Tuyên Quang	Vốn ngân sách tỉnh
3	Xây dựng hệ thống thoát nước khu trung tâm huyện Yên Sơn đạt đô thị loại IV.				100,00	10.000,00	10.000,00					UBND huyện Yên Sơn	
4	Quy hoạch bảo quản tu bổ phát huy giá trị danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang- Lâm Bình					8.000,00	8.000,00					Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
5	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng.					2.500,00	2.500,00					Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
(6)	Công nghệ thông tin, phát thanh và truyền hình		159.300,00			44.500,00	44.500,00						02 Công trình

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động cho hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2020-2025	2020-2025	150.000,00			36.500,00	36.500,00					Sở Thông tin và truyền thông	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến; kinh phí còn thiếu bố trí từ ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.
2	Dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh tuyên quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 - 2025.	2021-2023	9.300,00			8.000,00	8.000,00					Sở Thông tin và truyền thông	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
(7)	Y tế		198.000,00		2.000,00	18.000,00	3.000,00	15.000,00					01 Công trình
1	Dự án Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2023	198.000,00		2.000,00	18.000,00	3.000,00	15.000,00				Sở Y tế	Dự kiến vốn NSTW giai đoạn 2021-2025: 178.000 trđ
(8)	Vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA		2.900.438,00			9.000,00	9.000,00						04 công trình
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên, huyện Sơn Dương		379.310,00			2.000,00	2.000,00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn của nước Cộng hòa Hungrari
2	Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang (Quốc lộ 2 đoạn tránh thành phố Tuyên Quang) đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, phường Mỹ Lâm, TPTQ		986.810,00			2.500,00	2.500,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của Quỹ phát triển Á-rập Xê-út
3	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc tỉnh Tuyên Quang		998.200,00			2.000,00	2.000,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Sử dụng vốn vay ODA của Nhật Bản (JICA)
4	Dự án "Phát triển CSHT thủy lợi nhỏ bao gồm cả cấp nước sinh hoạt và lồng ghép với hoạt động sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc thích ứng với biến đổi khí hậu" tỉnh Tuyên Quang.		536.118,00			2.500,00	2.500,00					Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn vay ODA của ngân hàng thế giới WB
(9)	Công trình thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Công An tỉnh		136.107,49			121.000,00	121.000,00						02 Công trình
1	Đầu tư xây dựng Nhà công vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		39.823,64			35.000,00	35.000,00					Bộ CHQS tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Đầu tư xây dựng Cơ sở làm việc phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, tại địa điểm mới		96.283,85			86.000,00	86.000,00					Công an tỉnh	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
X	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		909.300,00		1.300,00	6.408,00	6.408,00						46 Công trình
(1)	Quản lý Nhà nước				100,00								07 Công trình
1	Xây dựng trụ sở nhà làm việc trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông											Sở Thông tin và truyền thông	
2	Xây dựng Nhà làm việc của Sở Tư Pháp											Sở Tư pháp	
3	Cải tạo, nâng cấp bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Tên cũ: Trạm y tế quân dân y kết hợp)				50,00							Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
4	Xây dựng Hạt kiểm lâm Na Hang											Sở NN&PTNT	
5	Xây dựng Hạt kiểm lâm Lâm Bình											Sở NN&PTNT	
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống kho thuộc phòng Hậu cần, Công an tỉnh Tuyên Quang				50,00							Công an tỉnh	
7	Xây dựng trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Sơn Dương												

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(2)	Giáo dục và Đào tạo				100,00								03 công trình
1	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Lâm Bình				50,00							UBND huyện Lâm Bình	
2	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Yên Sơn											UBND huyện Yên Sơn	
3	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị - giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Na Hang				50,00							UBND huyện Na Hang	
(3)	Giao thông		499.300,00		550,00	4.308,00	4.308,00						15 công trình
1	Đường từ Tát Ngà xã Phúc Yên đến Bến Thủy tại khu vực Nà Năm, xã Thủy Loa (cũ), huyện Lâm Bình				50,00							UBND huyện Lâm Bình	
2	Dự án cải tạo cầu Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang		260.300,00		400,00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nè đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2023	95.000,00		100,00	2.000,00	2.000,00					UBND huyện Na Hang	Dự án xin vốn từ NSTW
4	Cải tạo nâng cấp tuyến đường ĐH 06 xã Chi Thiết - Phúc Lương, huyện Sơn Dương					50,00	50,00					UBND huyện Sơn Dương	
5	Xây dựng mở mới đường trục phát triển đô thị thị trấn Tân Yên (điểm đầu Km173+550 điểm cuối Km 179+260 quốc Lộ 2 (chân đê Đền))											UBND huyện Hàm Yên	
6	Xây dựng đường Lý Thái Tổ, thành phố Tuyên Quang											UBND thành phố Tuyên Quang	
7	Đường từ Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thượng Lâm đến đèo Ái Âu, huyện Lâm Bình											Sở Giao thông Vận tải	
8	Đường từ đường Quốc lộ 2 vào xóm 18, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn											UBND huyện Yên Sơn	
9	Xây dựng cầu Minh Xuân - Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang											BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
10	Sửa chữa cầu bắc qua sông Gâm, tổ 4 thị trấn Na Hang												
11	Dự án đường Hang Khảo - Bắc Danh kết nối với Quốc lộ 2C, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang												
12	Mở mới tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ tổ dân phố Làng Cà đi tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang												
13	Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường 13B kéo dài từ Tổ dân phố Thịnh Tiến đến tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương												
14	Xây dựng Bến thủy và đường Nà Ráo ra bến thủy thuộc địa phận bản Phúng, xã Xuân Tiến (cũ) nay là xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2021-2025	144.000,00			2.258,00	2.258,00						
15	Xây dựng đường Đường Kim Bình -Bình Nhân huyện Chiêm Hóa												

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025						CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP	Nguồn chi thường xuyên NS tính bổ sung vốn đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(4)	Văn hóa - Xã hội		410.000,00		300,00								06 công trình
1	Mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, thành phố Tuyên Quang (Giai đoạn 2)	2021-2024	410.000,00		100,00							Sở Xây dựng	Cột số 5: Tổng mức đầu tư dự kiến
2	Khu liên hợp thể thao tỉnh Tuyên Quang				200,00							Sở Xây dựng	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình;											UBND huyện Lâm Bình	
4	Xây dựng Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương (giai đoạn 2)											UBND huyện Sơn Dương	
5	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Sơn Dương												
6	Xây dựng trung tâm Hội nghị huyện Sơn Dương												
(5)	Bảo vệ môi trường												05 Công trình
1	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất rắn trên địa bàn huyện Hàm Yên												
2	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý chất thải, huyện Na Hang												
3	Nâng cấp mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang												
4	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang												
5	Quy hoạch, xây dựng khu xử lý rác thải tỉnh Tuyên Quang												
(6)	Y tế				50,00								
1	Dự án cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)				50,00							Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp	
(7)	Phát thanh truyền hình					100,00	100,00						01 công trình
1	Dự án Nâng cấp thiết bị công nghệ truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang					100,00	100,00					Đài PTTH tỉnh	
(8)	Nông lâm nghiệp, thủy lợi				200,00								08 công trình
1	Dự án kè chống sạt lở bờ suối Hè, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên				50,00							Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Dự án kè chống sạt lở Bờ sông Phó Đáy xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn				50,00							Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Kè bờ suối thôn Nậm Đíp, Làng Chùa, Nà Khả, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình				50,00							UBND huyện Lâm Bình	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị dự toán	Vốn đã bố trí đến năm 2020	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025					CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
						Tổng số	Trong đó:						
							Chi XDCB vốn tập trung trong nước	Nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Nguồn bội chi NSDP			Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Kè bảo vệ tuyến đê An Khang - Thái Long, thành phố Tuyên Quang				50,00							Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Tam Tinh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xã Minh Khương												
6	Thủy lợi Hồ Nà Dân xã Thanh Tương, huyện Na Hang												
7	Kè chống sồi lở bờ suối Nà Thái, xã Thượng Giáp, huyện Na Hang, huyện Na Hang												
8	Thủy lợi Phiêng Bung, xã Năng Khả, huyện Na Hang												
XI	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					117.500,00	100.000,00	17.500,00					Có kế hoạch phân bổ riêng
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới												
	Trong đó: Xây dựng huyện Hàm Yên đạt chuẩn nông thôn mới					50.000,00	50.000,00						
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững												
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030												
XII	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG												Có kế hoạch chi tiết riêng
XIII	LẬP QUY HOẠCH CHUNG CÁC ĐÔ THỊ THEO NGHỊ QUYẾT CỦA CẤP ỦY TỈNH					50.000,00	50.000,00						
XIV	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN					10.000,00	10.000,00						
XV	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					21.100,00				21.100,00			

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025, VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG SỐ				13.097.207	8.888.004	2.670.511	2.390.181	6.264.824	64.524			127 công trình
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, VIỆC LÀM, DẠY NGHỀ				300.810	300.810	7.000	7.000	165.000				03 công trình
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>				<i>45.000</i>	<i>45.000</i>	<i>7.000</i>	<i>7.000</i>	<i>15.000</i>				<i>01 công trình</i>
1	Xây dựng khoa dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyền Quang		2017-2020	1500/QĐ-UBND, 26/10/2016	45.000	45.000	7.000	7.000	15.000			Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyền Quang	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 20.000 triệu đồng; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
(2)	<i>Dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</i>				<i>255.810</i>	<i>255.810</i>			<i>150.000</i>				<i>02 công trình</i>
	<i>Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>				<i>255.810</i>	<i>255.810</i>			<i>150.000</i>				
1	Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo												
2	Xây dựng Trường THPT Chuyên Tuyền Quang tại địa điểm mới	B	2021-2024	54/NQ-HĐND; 20/11/2020	255.810	255.810			150.000			Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 40.000 triệu đồng; Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ mua thiết bị: 50.000 trđ; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
II	Y TẾ				1.544.218	76.218	35.000	32.000	1.388.000				04 công trình
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>				<i>76.218</i>	<i>76.218</i>	<i>33.000</i>	<i>30.000</i>	<i>20.000</i>				<i>01 công trình</i>
	<i>Hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025</i>				<i>76.218</i>	<i>76.218</i>	<i>33.000</i>	<i>30.000</i>	<i>20.000</i>				
1	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyền Quang	B	2016-2020	1423a, 30/10/2015	76.218	76.218	33.000	30.000	20.000			Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyền Quang	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 20.000 triệu đồng; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
(2)	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>				<i>1.468.000</i>		<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>1.368.000</i>				<i>02 công trình</i>

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	7	8	9	10	11	12	13						
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021 - 2025				1.468.000		2.000	2.000	1.368.000				
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	A	2021-2025	53/NQ-HĐND; 20/11/2020	1.270.000				1.200.000			Sở Y tế	
2	Dự án Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	B	2020-2023	13/NQ-HĐND; 29/4/2020	198.000		2.000	2.000	168.000			Sở Y tế	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 18.000 triệu đồng; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
(3)	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025												01 công trình
1	Dự án cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Tuyên Quang (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)												
III	VĂN HÓA - XÃ HỘI				558.557	142.559	18.700	18.600	120.000				06 công trình
(1)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				148.557	142.559	18.600	18.600	120.000				01 công trình
	Dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				148.557	142.559	18.600	18.600	120.000				
1	Dự án cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang	B	2020-2023	10/NQ-HĐND ngày 10/3/2020	148.557	142.559	18.600	18.600	120.000			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
(2)	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025				410.000		100						05 công trình
1	Mở rộng quảng trường Nguyễn Tất Thành thành phố Tuyên Quang (giai đoạn 2)	B	2021-2024	80/NQ-HĐND ngày 15/12/2020	410.000		100					Sở Xây dựng	
2	Dự án Bảo tồn, tôn tạo Di tích quốc gia đặc biệt Đại hội II Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang												
3	Dự án bảo quản tu bổ phục hồi di tích lịch sử cách mạng; trung tu tôn tạo quảng trường Nguyễn Tất Thành (Đền thờ, tượng đài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang)												
4	Xây dựng trung tâm văn hóa và điện ảnh tỉnh Tuyên Quang												
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình;												
IV	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ				88.000								01 công trình
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				88.000								

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thanh toán nợ XDCB			
											Thu hồi các khoản ứng trước		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14
	Dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025				88.000								
1	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa	B	2021-2025		88.000								Dự án xin hỗ trợ vốn Bộ, ngành trung ương
V	PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH												01 công trình
	Dự án chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021-2025												01 công trình
1	Dự án Nâng cấp thiết bị công nghệ truyền hình cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang												
VI	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI				2.635.814	2.468.935	1.568.244	1.526.307	472.524	64.524			37 công trình
(1)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				2.290.814	2.203.935	1.518.244	1.476.307	462.524	64.524			05 công trình
	Dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				2.290.814	2.203.935	1.518.244	1.476.307	462.524	64.524			
1	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định đời sống dân cư khu vực xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang		2016-2020	148, 16/02/2016	100.000	90.000	85.000	60.000	5.000			UBND huyện Sơn Dương	
2	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, vùng rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiên Bộ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang		2016-2020	390/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	83.547	60.000	22.420	22.000	10.000			UBND huyện Yên Sơn	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 28.000 trđ; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
3	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Kê, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang		2016-2020	389/QĐ-UBND, 31/3/2016	88.200	60.000	20.000	17.000	15.000			UBND huyện Na hang	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 30.000 triệu đồng; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
4	Dự án kè suối Năm Chang bảo vệ khu Trung tâm hành chính huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang		2014-2018	861/QĐ-CT, 03/8/2012; 1609/QĐ-CT 31/12/2019	150.132	125.000	33.517	20.000	5.000			UBND huyện Lâm Bình	Đề nghị Trung ương bổ sung vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025
5	Dự án điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		2012-2020	1766/QĐ-TTg, 10/10/2011	1.868.935	1.868.935	1.357.307	1.357.307	427.524	64.524		UBND huyện; Ban Di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang;...	Có kế hoạch phân bổ chi tiết riêng
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025				345.000	265.000	50.000	50.000	10.000				02 công trình
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025				345.000	265.000	50.000	50.000	10.000				
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Cao Ngõi, xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	B	2021-2024	49/NQ-HĐND; 20/11/2020	265.000	265.000			10.000			Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án xin vốn từ NSTW

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	7	8	9	10	11	12	13	14					
2	Dự án Khẩn cấp di dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Bàn Bung, xã Thanh Tương, huyện Na Hang		2021-2024	89/NQ-HĐND, 29/12/2020	80.000		50.000	50.000				UBND huyện Na Hang	Năm 2020 từ nguồn dự phòng NSTW: 50.000 trđ; số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
(3)	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021 - 2025</i>												<i>30 công trình</i>
1	Dự án kê chống sạt lở bờ suối Hè, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên											Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Dự án kê chống sạt lở Bờ sông Phó Dáy xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn											Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Kê bảo vệ tuyến đê An Khang - Thái Long, thành phố Tuyên Quang											Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Kê bờ suối thôn Nậm Đíp, Làng Chùa, Nà Khà, xã Lăng Can											UBND huyện Lâm Bình	
5	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất thôn Nà Luông, Nà Xé, xã Bình An, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.												
6	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và rừng phòng hộ đầu nguồn tại khu vực Nà Lăng, thôn Nậm Chá, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.												
7	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn thôn Thái Khao, Quảng Tân, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang												
8	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Trang, Khuổi Củng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình,												
9	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai nguy hiểm do lũ quét thôn Nậm Chá, Đon Bả và Khau Quang, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình.												
10	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khau Hán, Phú Linh, Lung Lửa xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa												
11	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa huyện Hàm Yên (Làng Bát, Làng Lếch, hồ Khờn, Tam Tinh, Kim Giao)												
12	Kê chống sạt lở bờ sông Lô, khu dân cư đoạn Chợ Thụt, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang												
13	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Na Hang												
14	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Lâm Bình												

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	7	8	9	10	11	12	13	14					
15	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Hàm Yên												
16	Dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa huyện Chiêm Hóa (Pác Nhang, Thôn Chân, Đèo Chấp, Bản Lai)												
17	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Sơn Dương												
18	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Yên Sơn												
19	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ thành phố Tuyên Quang												
20	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi vừa và nhỏ huyện Chiêm Hóa												
21	Cụm công trình hồ tích nước thủy lợi xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương												
22	Dự án kê bảo vệ tuyến đê đoạn thôn Xạ Hương, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương												
23	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Đát Đền, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang												
24	Kê bảo vệ bờ sông Lô, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương												
25	Kê chống sạt lở bờ sông Lô đoạn qua Bến phà Cũ - Cầu Tân Yên, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên												
26	Kê chống sạt lở bờ sông Lô khu vực bến Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên												
27	Kê suối xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa												
28	Kê suối Cầu Cá, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa												
29	Kê suối Cỏ Linh, xã Kinh Bình, huyện Chiêm Hóa												
30	Kê sông Gâm, đoạn qua Phố Chính xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa												
VII	CÔNG NGHIỆP				1.011.688	93.000	245.693	85.000	37.565				06 công trình
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>				1.011.688	93.000	245.693	85.000	37.565				02 công trình

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số			Trong đó:	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14		
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025				1.011.688	93.000	245.693	85.000	37.565						
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Khuôn Phuron, huyện Na Hang	B	2016-2020	1526a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	61.591	30.000	22.000	22.000	5.000			UBND huyện Na Hang			
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013-2020	B	2016-2020	1310/QĐ-UBND 13/11/2017	950.097	63.000	223.693	63.000	32.565			Sở Công Thương	Số vốn còn thiếu so với TMDT, Bộ Công Thương hỗ trợ vốn đầu tư		
(2)	Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025												04 công trình		
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Thành, huyện Hàm Yên														
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Khu công nghiệp Ninh Lai, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang														
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hóa														
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương														
VIII	GIAO THÔNG VẬN TẢI				6.873.120	5.797.482	774.874	712.274	3.986.735				29 công trình		
(1)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				1.122.570	1.059.902	273.774	212.274	705.000				03 công trình		
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025														
1	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài		2017-2022	364/HĐND-KTTS, 17/10/2016; 1560 30/10/2016; 08/NQ-HĐND 10/3/2020	323.692	276.024	120.766	69.766	100.000			UBND thành phố Tuyên Quang	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 60.000 trđ; Số vốn còn thiếu so với TMDT bố trí từ ngân sách của thành phố Tuyên Quang		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Vộc Dầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang		2018-2022	09/NQ-HĐND; 10/3/2020; 689/QĐ-UBND 15/6/2020	200.000	185.000	123.008	112.508	67.000			UBND huyện Sơn Dương	Số vốn còn thiếu so với TMDT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT.188 đoạn Km48+00-Km86+300, huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang		2018-2024	493/QĐ-UBND, 06/5/2020	598.878	598.878	30.000	30.000	538.000			Sở Giao thông Vận tải	Số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
(2)	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025</i>				5.251.250	4.238.280	501.000	500.000	3.281.735				08 công trình
	<i>Dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</i>				5.251.250	4.238.280	501.000	500.000	3.281.735				
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	A	2021-2024	77/QĐ-UBND, 25/01/2021	3.112.970	2.100.000	500.000	500.000	1.600.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 300.000 trđ; Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
2	Dự án đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang	B	2021-2024	90/NQ-HĐND; 29/12/2020	635.000	635.000			416.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 100.000 trđ; Nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư bố trí phần vốn còn thiếu so với TMĐT
3	Dự án xây dựng cầu Xuân Vân, vượt sông Gâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	B	2021-2024	43/NQ-HĐND; 20/11/2020	278.000	278.000	500		250.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
4	Cầu qua sông Lô Km 71 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi Bạch Xa, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	B	2021-2024	41/NQ-HĐND; 20/11/2020	177.000	177.000	500		160.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự kiến vốn NSDP giai đoạn 2021-2025: 5.000 trđ; Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
5	Xây dựng đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến Quốc lộ 2D và đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	B	2021-2023	45/NQ-HĐND; 20/11/2020	487.000	487.000			390.000			Sở Giao thông Vận tải	Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
6	Đầu tư xây dựng Cầu và tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ Km183 QL37 đi qua tổ dân phố Tân Kỳ, Tân Phúc qua Quốc lộ 2C đến Km 188 QL37, tổ dân phố Đăng Châu, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	B	2021-2024	46/NQ-HĐND; 20/11/2020	329.480	329.480			290.000			Sở Giao thông Vận tải	Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
7	Cải tạo nâng cấp đường Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hòa - Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	B	2021-2024	52/NQ-HĐND; 20/11/2020	133.800	133.800			111.000			Sở Giao thông Vận tải	Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
8	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	B	2021-2024	48/NQ-HĐND; 20/11/2020	98.000	98.000			64.735			UBND huyện Lâm Bình	Số vốn còn thiếu so với TMĐT, bổ sung từ nguồn chi thường xuyên NS tỉnh bổ sung vốn đầu tư
(3)	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</i>				499.300	499.300	100						19 công trình
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nè đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	B	2020-2023	47/NQ-HĐND; 20/11/2020	95.000	95.000	100					UBND huyện Na Hang	

STT	Dan h mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số			Trong đó:	
														Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14		
2	Xây dựng bến thủy và đường từ Nà ráo ra bến thủy thuộc địa phận Bản Phùng xã Xuân Tiến(Cũ), nay là xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	B	2020-2024	76/NQ-HĐND; 15/12/2020	144.000	144.000						UBND huyện Lâm Bình			
3	Cải tạo cầu Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	B	2020-2024	44/NQ-HĐND; 20/11/2020	260.300	260.300						BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ			
4	Xây dựng đường từ trung tâm thành phố đến Km 31 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)											Sở Giao thông Vận tải			
5	Xây dựng cầu Minh Xuân - Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang											BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ			
6	Dự án đường Hang Khào - Bắc Danh kết nối với Quốc lộ 2C, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang														
7	Xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường 13B kéo dài từ Tổ dân phố Thịnh Tiến đến tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương														
8	Xây dựng Cầu và đường từ xã Ninh Lai đi xã Sơn Nam huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang														
9	Xây dựng đường đô thị dọc hai bờ sông Phó Đáy trên địa bàn Thị trấn Sơn Dương kết hợp xây đập dâng nước tại khu vực hạ lưu sông Phó Đáy, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang														
10	Xây dựng tuyến đường kết nối vùng từ thôn Phúc Vượng xã Phúc Ứng đi qua UBND xã Phúc Ứng đến thôn Làng Mông, xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang														
11	Mở mới tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ tổ dân phố Làng Cà đi tổ dân phố Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang														
12	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 185 đoạn từ Km173+400 - Km204+500, Ngã ba cầu Ba Đạo - xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.														
13	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 188 đoạn từ Km0 - Km48+00 (Km151+600, QL.2 - thôn Vĩnh Báo, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).														
14	Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 189, Km0+00 - Km57+00 (xã Bình Xa - Thôn Lục Khang xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang).														
15	Đường Yên Phú đi Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang														
16	Dự án đường giao thông từ Quốc lộ 37 (xã Thái Bình) - xã Công Đa - xã Đạo Viện - Xã Kiến Thiết														

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
7	8	9	10	11	12	13	14						
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.185 (đoạn từ Cầu Treo đến thôn Khuổi Cúng, xã Xuân Lập, huyện Lâm Bình)												
18	Tuyến đường Kim Bình - Tri Phú - Linh Phú (giáp với xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn)												
19	Đường từ Hang Khào, thị trấn Na Hang đi Lũng Giang, Nà Khá xã Năng Khá giao với QL.279												
20	Đường giao thông Hồng Quang - Thượng Minh, xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình												
IX	DU LỊCH				85.000	9.000	21.000	9.000	10.000	-	-		04 công trình
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</i>				85.000	9.000	21.000	9.000	10.000	-	-		
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình		2018-2022	1542/QĐ-UBND, 29/10/2016	85.000	9.000	21.000	9.000	10.000				Số vốn còn thiếu so với TMĐT hằng năm bổ sung từ ngân sách tỉnh
(2)	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư trong giai đoạn 2021-2025</i>												03 công trình
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Quốc gia đặc biệt Tân Trào												Xin vốn Bộ VH, TT&DL hỗ trợ
2	Đầu tư phát triển hạ tầng khung khu du lịch (gồm 5 tiểu dự án)												
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn giai đoạn 2												
X	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG												03 công trình
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025</i>												
1	Nâng cấp mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang												
2	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Tuyên Quang												
3	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang												
XI	HỖ TRỢ VỐN ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN ODA								70.000				Chi tiết Biểu số 04 (ODA)
XII	HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN								15.000				
XIII	CÁC DỰ ÁN XIN VỐN TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				626.739	626.739	195.253	139.600					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
										Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang				80.000	80.000	31.750	20.000				BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
2	Kè bờ sông Gâm đoạn qua thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá				172.260	172.260	19.600	19.600				UBND huyện Chiêm Hoá	
3	ĐA nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng Kiểm lâm Tuyên Quang				61.372	61.372	10.000	10.000				Chi cục Kiểm Lâm	
4	Dự án phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang				65.338	65.338	45.000	45.000				Sở NN&PTNT	
5	Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTLA ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương				99.375	99.375	41.291					UBND huyện Sơn Dương	
6	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên				49.731	49.731	12.558	10.000				UBND huyện Hàm Yên	
7	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ Khuổi Giàng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn				49.964	49.964	16.000	16.000				UBND huyện Yên Sơn	
8	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn				48.700	48.700	19.056	19.000				Sở NN&PTNT	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025, VỐN NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Nhóm dự án (A, B, C)	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư						Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, giai đoạn 2021-2025						CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú				
						TMĐT						Trong đó:											
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)								
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			NSTW	NSDP		Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại			
1	2	3	4	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		24	
	TỔNG SỐ						5.356.980	704.465	459.734	135	4.652.514	3.990.806	661.709	680.844	150.000	70.000	80.000	530.844	503.600	27.244			
	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGẮN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						5.356.980	704.465	459.734	135	4.652.514	3.990.806	661.709	680.844	150.000	70.000	80.000	530.844	503.600	27.244			
I	Nông lâm nghiệp						3.623.125	458.821	244.443	79	3.164.304	2.642.792	521.512	424.930	70.000		70.000	354.930	340.000	14.930			
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						918.950	111.256	21.679	26	807.694	774.162	33.533	424.930	70.000		70.000	354.930	340.000	14.930			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025						918.950	111.256	21.679	26	807.694	774.162	33.533	424.930	70.000		70.000	354.930	340.000	14.930			
1	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022	WB	B		4638/QĐ-BNN-HTQT 09/11/2015	251.660	13.160		11	238.500	221.805	16.695	117.527	10.000		10.000	107.527	100.000	7.527		Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vốn vay ngân hàng Thế giới WB		WB			3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	253.373	21.679	21.679		231.694	214.857	16.838	80.403	3.000		3.000	77.403	70.000	7.403		Đang đề nghị gia hạn thời gian thực hiện Chương trình đến ngày 31/7/2023, theo đề nghị của Bộ NN&PTNT tại Văn bản số 8858/BNN-TCTL ngày 26/11/2019	
3	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang		KOICA (Hàn Quốc)	B		80/QĐ-UBND 15/3/2019; 85/QĐ-UBND 21/3/2019; 346/QĐ-UBND 30/9/2019	413.917	76.417		15	337.500	337.500		227.000	57.000		57.000	170.000	170.000			Ban điều phối các dự án sử dụng vốn nước ngoài	
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						2.704.176	347.566	222.764	54	2.356.610	1.868.631	487.979										
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025						2.704.176	347.566	222.764	54	2.356.610	1.868.631	487.979										
1	Dự án cung cấp nước sinh hoạt từ hồ nước sạch Na Hang cung cấp cho các huyện: Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang						1.000.000	100.000	100.000		900.000	800.000	100.000										

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Nhóm dự án (A, B, C)	Quy mô, năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư							Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, giai đoạn 2021-2025							CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú	
						TMĐT							Trong đó:									
						Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
											Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						
18	19	20	21	22	23																	
1	2	3	4	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		24
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025						843.287	171.189	154.070	32	672.098	625.051	47.047	255.914	80.000	70.000	10.000	175.914	163.600	12.314		
	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB)	2015-2020	WB	B		149717/12/20	843.287	171.189	154.070	32	672.098	625.051	47.047	255.914	80.000	70.000	10.000	175.914	163.600	12.314	UBND thành phố Tuyên Quang	
V	Y tế, dân số và gia đình						379.310	60.561			318.749	223.124	95.625									
	Dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025						379.310	60.561			318.749	223.124	95.625									
1	Bệnh viện đa khoa Kim Xuyên, huyện Sơn Dương		Chính phủ Hungary	B			379.310	60.561			318.749	223.124	95.625									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn do ADB tài trợ.		ADB																			Sở Y tế
VI	Văn hóa, xã hội						349.255	12.305	11.500		336.950	243.800	93.150									
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025						349.255	12.305	11.500		336.950	243.800	93.150									
1	Dự án "Tăng cường hệ thống cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc người cao tuổi và điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy"		ADB				349.255	12.305	11.500		336.950	243.800	93.150									